TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 02 – 2026
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu

Bà Dương Thị Hồng Liên

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quý Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 174/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2025 về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Hải H, sinh ngày 20/01/1990; CCCD: 044190001645; địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị. Chị H có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh S, sinh ngày 09/4/1989; CCCD: 044089002351; cấp ngày 20/4/2021, nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C1; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ hiện tại: Số B S - G New Zealand. Anh S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Hải H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh S qua quá trình tìm hiểu. Đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh

Quảng Bình (nay là xã B, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015, quyển số 01/2014. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã; mặt khác do cuộc sống gia đình khó khăn nên anh S đã đi xuất khẩu lao động tại New Zealand từ năm 2024. Từ đó hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm ngày càng nhạt phai. Xét thấy mục đích hôn nhân không còn, hai vợ chồng chúng đã cố gắng hàn gắn nói chuyện để khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng không có kết quả, gia đình hai bên cũng hòa giải nhưng cũng không được. Hai vợ chồng đã sống ly thân, anh chị không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn mong Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Tại phiên tòa, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 15/7/2016; cháu Nguyễn Trần Thảo M, sinh ngày: 24/9/2021. Nguyện vọng của chị H sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu Thảo N và Thảo M. Vì hiện nay cháu đang sinh sống với chị, được chị nuôi dưỡng, chăm lo hàng ngày. Về cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị anh S đóng góp nuôi các con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 10/11/2025 anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Qua thông tin, anh được biết vợ là cô Trần Hải H, sinh ngày 20/01/1990; CCCD: 044190001645; địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị đã làm đơn xin ly hôn và đã được Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Trị thụ lý giải quyết. Do điều kiện hiện nay anh đang đi làm ăn ở New Zealand, điều kiện đi lại và khoảng cách địa lý xa xôi nên anh xin tự khai và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Hải H qua quá trình tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và đi đến đăng ký đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã B, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015, quyển số 01/2014. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.

Sau đó hai bên thường xuyên cãi vã, không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng gia đình. Vì cuộc sống vất vả khó khăn nên anh

đi xuất khẩu lao động mong muốn cải thiện điều kiện kinh tế gia đình. Nhưng khi vợ chồng ở xa nhau, khoảng cách địa lý khiến hai bên thêm nhiều mâu thuẫn. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng vẫn không khắc phục được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không quan tâm, không còn thương yêu nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay vợ là Trần Hải H làm đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 15/7/2016; cháu Nguyễn Trần Thảo M, sinh ngày: 24/9/2021. Hiện nay hai cháu Thảo N, Thảo M đang sinh sống với mẹ Trần Hải H. Vì hiện nay anh đang đi làm ăn xa và công việc không ổn định nên tôi có nguyện vọng sau khi ly hôn giao mẹ là Trần Hải H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung cháu Thảo N và Thảo M. Anh nhất trí đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S trình bày thêm: Do mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, anh chị đã nhiều lần thỏa thuận nhưng không thành và cũng do tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh và chị Trần Hải H được thuận tình ly hôn, không tiến hành hòa giải theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không tiến hành hòa giải tại Trung tâm hòa giải đối thoại.

Ngoài ra, do hiện nay anh đang ở New Zealand, do tính chất công việc của anh và vị trí địa lý xa xôi nên tôi không thể về Việt Nam để tham gia các buổi làm việc, buổi triệu tập, phiên họp, phiên tòa xét xử tại Tòa án. Do đó, trong quá trình giải quyết ly hôn giữa anh và vợ là Trần Hải H, anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, buổi triệu tập, phiên họp, phiên tòa xét xử giải quyết ly hôn giữa anh và chị Trần Hải H.

Trên đây là toàn bộ ý kiến của anh về việc ly hôn với chị Trần Hải H, anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Trị tiến hành trưng cầu giám định tại Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với chữ ký và/hoặc dấu vân tay của tôi trong Bản tự khai và các văn bản khác có liên quan với chữ ký và/hoặc dấu vân tay của anh có trong Căn cước công dân hoặc Giấy chứng nhận kết hôn (hoặc các giấy tờ khác có liên quan) của anh để xem có phải do cùng một người là anh ký xác nhận hay không, để từ đó làm căn cứ giải quyết ly hôn giữa anh với chị Trần Hải H. Mọi chi phí giám định nêu trên anh xin tự nguyện chịu mà không có bất kỳ thắc mắc gì.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 22/12/2025 do Tòa án tiến hành lấy lời khai đối với ông Nguyễn Đức H1, sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1965 là bố mẹ ruột của bị đơn anh Nguyễn Thanh S có nội dung:

Ông H1, bà H2 xác nhận hiện tại anh S đang lao động tại New Zealand. Vợ chồng anh S, chị H có 02 con chung là Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 15/7/2016; cháu Nguyễn Trần Thảo M, sinh ngày: 24/9/2021. Hiện nay hai cháu Thảo N, Thảo M đang ở với mẹ cháu là Trần Hải H; việc chị H nộp đơn xin ly hôn với anh S nộp tại Tòa án ông, bà không có ý kiến gì, toàn quyền quyết định anh S, chị H. Do anh S thường xuyên liên lạc về với gia đình, qua điện thoại anh S cũng đã thông tin cho bà và gia đình viết việc chị H nộp đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, do điều kiện anh S không về giải quyết trực tiếp được nên anh S đã gửi các văn bản về để yêu cầu giám định dấu vân tay để giải quyết vắng mặt anh. Ông H1, bà H2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông, bà cũng nhất trí việc Tòa án gửi các văn bản tố tụng và ông, bà sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho anh Nguyễn Thanh S là con trai của ông bà. Ông bà cam đoan những lời trình bày như trên là hoàn toàn đúng sự thật.

Tại giấy nguyện vọng của cháu Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 15/7/2016 trình bày:

Cháu là con của bố Nguyễn Thanh S, mẹ Trần Hải H. Hiện nay cháu đang sinh sống với mẹ Trần Hải H tại thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị. Hiện nay bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu sau khi bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ Trần Hải H vì hiện nay bố S đang ở nước ngoài, không có điều kiện để chăm sóc cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án và nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh S.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Hải H được ly hôn anh Nguyễn Thanh S. Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 15/7/2016; cháu Nguyễn Trần Thảo M, sinh ngày: 24/9/2021 cho chị Trần Hải H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh S có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với chị H mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Án phí, chi phí tố tụng khác: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị H chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Theo Công văn số 2108/PA08-Đ1, ngày 06/11/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh Q thì anh Nguyễn Thanh S đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 28/01/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Anh S hiện cư trú tại: Số B S - G New Zealand. Như vậy, theo quy định tại Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, do anh Nguyễn Thanh S không đến Đại sứ quán của nước nơi anh đang sinh sống được vì khoảng cách địa lý xa xôi, đi lại khó khăn. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị đã nhận được bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Thanh S gửi về do chị Trần Hải H đến nộp. Tại bản Kết luận giám định số 1807/KL-KTHS ngày 19/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Dấu vân tay trên bản tự khai, đơn nguyện vọng, đơn đề nghị là của anh Nguyễn Thanh S.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Thanh S có bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Thanh S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hải H và anh Nguyễn Thanh S đều trình bày, anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã B, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015, quyển số 01/2014. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh S là hợp pháp có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Mặc dù sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn nhưng đáng lẽ anh chị phải biết thương yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày càng tăng. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, anh S đi làm ăn tại New Zealand, giữa anh chị không còn thường xuyên quan tâm đến nhau, tình cảm nhạt phai, không còn thương yêu nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh S cũng nhất trí ly hôn. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hải H, xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giữa Trần Hải H và anh Nguyễn Thanh S có 02 con chung là Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 15/7/2016; cháu Nguyễn Trần Thảo M, sinh ngày: 24/9/2021. Nguyện vọng của chị H, sau khi ly hôn được tiếp tục

nuôi các con là Thảo N, Thảo M vì hiện nay cháu đang ở với chị, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S cũng có đơn trình bày đồng ý giao hai chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại giấy nguyện vọng của cháu Nguyễn Trần Thảo N, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ H sau khi bố mẹ ly hôn vì hiện nay ba cháu đang ở nước ngoài không có điều kiện để chăm sóc cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Hải H yêu cầu anh Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Anh S cũng nhất trí với đề nghị trên, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Nguyễn Trần Thảo N, cháu Nguyễn Trần Thảo M đang ở với chị H, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyện vọng của chị H, ý kiến của anh S đều nhất trí giao hai con chung Thảo N, Thảo M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với ý kiến của cháu Thảo N xin được ở với mẹ H sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển của các cháu Thảo N, Thảo M cả về mặt vật chất, tinh thần, việc học hành, cuộc sống hàng ngày của hai cháu không bị xáo trộn. Cần giao các con chung là cháu Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 15/7/2016; cháu Nguyễn Trần Thảo M, sinh ngày: 24/9/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho cuộc sống sau này của các cháu Thảo N, Thảo M cần chấp nhận yêu cầu của chị H buộc anh S phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị H 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu Thảo N, Thảo M tròn 18 tuổi. Chị Trần Hải H, anh Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Hải H, anh Nguyễn Thanh S trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Hải H phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[4] Về chi phí tố tụng: Chị Trần Hải H tự nguyện chịu 5.400.000 đồng tiền giám định dấu vân tay. Số tiền này chị H đã nộp đủ và chi phí hết.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Hải H, anh Nguyễn Thanh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 160, Điều 227, Điều 228, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Hải H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 15/7/2016; cháu Nguyễn Trần Thảo M, sinh ngày: 24/9/2021 cho chị Trần Hải H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thảo N xin được ở với mẹ H sau khi bố mẹ ly hôn. Anh Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Thảo N, Thảo M tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí, chi phí tố tụng khác: Chị Trần Hải H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0001268 ngày 23/10/2025. Chị Trần Hải H tự nguyện chịu 5.400.000 đồng tiền giám định dấu vân tay. Chị H đã nộp đủ tiền án phí và chi phí tố tụng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Hải H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/02/2026). Anh Nguyễn Thanh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND KV1 – Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Bắc Trạch;
- Công an xã Bắc Trạch;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Vào hồi giờ phút, ngày 07 tháng 8 năm 2025;
Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết M1
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân T
Ông Mai Văn N1

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2025 về việc xin ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Châu L, sinh năm 1995

Số CCCD: 044195007248

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay xã Đ, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm 1991

Số CCCD: 044091009146

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Hiện cư trú tại: Số A, ngõ A, đường T, quận T, Đ, Đài Loan; vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 3 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 474; Điều 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 57, 58, 121, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

1.*Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Phan Châu L được ly hôn với anh Phan Văn C.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. *Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Giao con chung của vợ chồng là cháu Phan Thị Tú U, sinh ngày 24/3/2017 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không buộc anh Phan Văn C cấp dưỡng nuôi con cùng chị Phan Châu L do chị L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. *Về quan hệ tài sản*: Không xem xét.

4.*Về án phí, lệ phí uỷ thác tư pháp:*

- Chị Phan Châu L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005279 ngày 19/02/2025. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Chị Phan Châu L phải chịu 4.348.000 đồng (bốn triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ. Số tiền này chị L đã nộp đủ.

5. *Quyền kháng cáo*: Án sơ thẩm xử công khai, chị Phan Châu L có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy đinh; anh Phan Văn C được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 07 tháng 8 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**